

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17-3-2025

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi ở hiện nay: 054 ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Nơi ở hiện nay: 1 B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2025 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – bà Phạm Thị L trình bày:

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê trọ sống tại thành phố V. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng khoảng 02 năm sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; đến khoảng năm 2021 thì bà L phát hiện ông B nghiện ma túy và bà L có khuyên ông B cai nghiện nhưng không được nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Đến đầu năm 2024 thì ông B bị đưa đi cai nghiện bắt buộc, thời gian cai nghiện là 01 năm. Ông B mới chấp hành xong khoảng 03

tháng nay. Trong thời gian ông B cai nghiện bắt buộc thì bà L đưa các con về sinh sống cùng gia đình ông bà ngoại tại huyện X.

Nay bà L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L ly hôn ông Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 29/7/2017 và Nguyễn Thanh L2, sinh ngày 29/4/2019. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông Bằng cấp D nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2025 và quá trình làm việc tại Tòa, bị đơn - ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Về điều kiện tiến tới hôn nhân giữa ông B và bà L theo bà L trình bày là đúng. Vợ chồng sau khi kết hôn thì thuê phòng trọ chung sống tại thành phố V. Thời gian đầu, cả hai chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì nhiều. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên có thời gian vợ chồng ông B gửi con về Xuyên Mộc nhờ ông bà ngoại chăm sóc các con để vợ chồng có thời gian lo kinh tế gia đình. Đến khoảng năm 2021 thì ông B bắt đầu sử dụng ma túy nên vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn hơn, tuy nhiên việc ông B sử dụng ma túy cũng có một phần do cuộc sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn, chán nản nên ông B đã tìm đến ma túy. Năm 2024, ông B bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại X, thời gian cai nghiện theo quyết định là 01 năm, ông B đã chấp hành xong và được về cách đây khoảng 03 tháng. Trong khoảng thời gian này thì bà L đưa các con về Xuyên Mộc sống và học tập cho đến tận bây giờ.

Nay ông B thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không thể về chung sống với nhau như trước nên ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 29/7/2017 và Nguyễn Thanh L2, sinh ngày 29/4/2019. Ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh L1 và giao cháu Nguyễn Thanh L2 cho bà Phạm Thị L nuôi dưỡng. Không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Phạm Thị L khởi kiện ông Nguyễn Thanh B về việc “Ly hôn”, bị đơn – ông B có nơi cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ; đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở; không có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên không thuộc trường

hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh B đăng ký kết hôn ngày 15/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 52 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà L và ông B phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của cả hai vợ chồng: Đến khoảng năm 2021 thì ông B bắt đầu sử dụng ma túy nên vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn hơn. Năm 2024, ông B bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại X, thời gian cai nghiện theo quyết định là 01 năm, ông B đã chấp hành xong và được về cách đây khoảng 03 tháng. Từ khi ông B đi cai nghiện cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, vợ con về sống tại X còn ông B sau khi cai nghiện xong thì về sống tại Vũng Tàu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả và bà L ông B thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa, bà L vẫn yêu cầu được ly hôn và ông B đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông B và bà L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 29/7/2017 và Nguyễn Thanh L2, sinh ngày 29/4/2019. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, còn ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh L1 và giao cháu Nguyễn Thanh L2 cho bà L nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông B đã từng nghiện ma túy, vừa đi cai nghiện bắt buộc về đang bắt đầu làm việc để ổn định lại cuộc sống; các con hiện nay đang sinh sống cùng mẹ và học tập tại huyện X. Hơn nữa, ông B có nguyện vọng được nuôi cháu L1 nhưng cháu L1 lại có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, vừa đảm bảo các quyền lợi về mọi mặt của con vừa phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Vì vậy, căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, giao các con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Ông B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B, bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do bà L và ông B thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên mỗi người phải nộp 75.000đ, tuy nhiên bà L tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí nên

bà L phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

[1] *Về hôn nhân:* Công nhận bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh B thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh L1, sinh ngày 29/7/2017 và Nguyễn Thanh L2, sinh ngày 29/4/2019. Giao các con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Phạm Thị L phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002622 ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà L được hoàn lại 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Thuận, Xuyên Mộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Song Hoàn Nguyễn Văn H

Nguyễn Văn K